

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2021/TCDS-ST

Ngày 05-03-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 05 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐ-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn Ch, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm NGQ, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Chị Phạm Thị M; sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 1, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định;

Người làm chứng: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 1, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(vắng mặt: anh Ch; bà M, bà Vân)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Đỗ Văn Ch trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ gia đình anh em họ hàng với nhau, anh Đỗ Văn Ch có cho chị Phạm Thị M vay nợ 15.000.000đ để lấy vốn làm ăn buôn bán. Do chị M cần tiền trong tài khoản để chuyển trả tiền mua cám kinh doanh nên anh Ch có gửi chuyển khoản cho chị M tại Ngân hàng Aribank vay số tiền 15.000.000đ ngày 07/09/2018. Khi hỏi vay tiền chị M hứa sẽ trả anh Ch trong thời gian ngắn. Tuy

nhiên, từ khi cho vay đến nay chị M chưa trả cho anh Ch số tiền anh chuyển khoản cho vay. Do đó, anh Ch đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị M phải thanh toán trả nợ cho anh số tiền vay gốc là 15.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bị đơn là chị Phạm Thị M biết thông qua mẹ đẻ chị M nhận thay và thông báo cho chị M biết. Bà Vân mẹ đẻ chị M đã thông báo cho chị M biết các văn bản do nguyên đơn và Tòa án tổng đạt, nhưng đến nay chị M vẫn vắng mặt không có lý do và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Ch.

Người làm chứng bà Phạm Thị Vân là mẹ đẻ chị M cho biết: bà đã nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị M và đã thông báo cho chị M biết việc anh Ch đang có đơn và các giấy tờ kiện đòi nợ đối với chị M và chị M đã được biết, chị M thông qua bà Vân cho biết công nhận có vay nợ của anh Ch 15.000.000đ như anh Ch khởi kiện tại Tòa án là đúng. Do hiện nay chị M đi làm ăn xa và hoàn cảnh khó khăn xin khất nợ anh Ch và xin trả dần cho Ch, và vì công việc bận nên chị M con gái bà không đến Tòa án làm việc được nên bà Vân xin nhận thay các văn bản Tòa án giao cho chị M và nhận có trách nhiệm chuyển lại cho bà M.

Tại phiên tòa, anh Ch xin vắng mặt, chị M vắng mặt lần hai có ý kiến thông qua bà Vân xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản, Quyết định tố tụng cho các đương sự, bị đơn bà Phạm Thị M vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của người làm chứng thì thấy: Hợp đồng vay tài sản số tiền gốc 20.000.000đ giữa anh Đỗ Văn Ch và chị Phạm Thị M là hợp đồng có thật và phù hợp pháp luật. Việc vay nợ giữa anh Ch và chị M được chứng minh bằng giấy chuyển tiền qua ngân hàng Aribank Việt Nam chi nhánh Hải Hậu, quá trình khởi kiện anh Ch nộp cho Tòa án làm căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, bà Vân là mẹ đẻ chị M có lời khai cho biết bà đã thông báo cho chị M biết việc anh Ch đòi nợ số tiền anh Ch chuyển khoản cho chị M vay là 15.000.000đ và đến nay yêu cầu Tòa án buộc chị M phải trả cho số tiền 15.000.000đ đã chuyển khoản cho chị M vay, bà Vân cho biết chị M công nhận có nhận ở anh Ch số tiền trên và xin trả dần vì hiện nay hoàn cảnh khó khăn chưa trả luôn được.

Tuy nhiên, đến nay chị M không có ý kiến phản hồi về nội dung cũng như yêu cầu khởi kiện của anh Ch bằng bản tự khai, để Tòa án xem xét. Điều này chứng tỏ chị M mặc nhiên đồng ý với nội dung và yêu cầu khởi kiện của anh Ch và công nhận việc vay nợ thông qua hình thức chuyển khoản tại ngân hàng là sự việc. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn anh Đỗ Văn Ch là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] *Về lãi suất*: anh Ch không yêu cầu Tòa án buộc chị M phải trả, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì vậy, cần buộc chị Phạm Thị M phải trả cho anh Đỗ Văn Ch số tiền nợ gốc 15.000.000đ là phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] *Về án phí*: Buộc chị Phạm Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 440, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn Ch kiện đòi nợ đối với chị Phạm Thị M là hợp pháp.

2. Buộc chị Phạm Thị M phải thanh toán trả nợ cho anh Đỗ Văn Ch số tiền nợ gốc 15.000.000đ.

3. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc chị Phạm Thị M phải nộp 750.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000đ tại biên lai số AA/2017/0002392 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi Nhấn:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã HL;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng